



Match Results

As of FRI 11 OCT 2019 at 20:15

Match: 16

Vietnam 2 vs 1 Poland

REFEREES:

1st Period: 20-21
2nd Period: 22-16
Shootout: 7-4

VIE - Vietnam

Headcoach:

Team timeouts: 1

No.	Name	Total				Goals/Shots						Punishments			
		Points	Goals	Shots	%	1-Pt-All	1-Pt-Spin	Spin	In-flight	Specialist	Direct Goal	P6m	SUS	D	DR
1	NGUYEN THANH Huyen														
3	LU NGOC Trinh	13	7	10	70	1/1	1/1	6/8	0/1						
4	DAM THI THANH Huyen	16	8	10	80	0/1		1/2	4/4			3/3		1	
6	PHAM THI MY Hang	11	6	7	86	1/1		5/6							
7	HA THI Hanh	4	2	2	100			2/2							
8	NGUYEN THI PHUNG Linh														
9	NGUYEN THI KIM Thu	2	1	2	50					1/2					
10	NGUYEN DANG THI Huong	3	2	2	100	1/1						1/1			
15	PHAN VAN Anh														
18	NGUYEN THI TRA My												1	1	
Totals		49	26	33	79	3/4	1/1	14/18	4/5	1/2		4/4	1	2	

No.	Goalkeeper	Total			Saves/Shots						
		Saves	Shots	%	1-Pt-All	1-Pt-Spin	Spin	In-flight	Specialist	Direct Goal	P6m
1	NGUYEN THANH Huyen	6	30	20	0/1		5/21		0/5		1/3
4	DAM THI THANH Huyen	1	1	100						1/1	
Totals		7	31	23	0/1		5/21		0/5	1/1	1/3

POL - Poland

Headcoach:

Team timeouts: 2

No.	Name	Total				Goals/Shots						Punishments			
		Points	Goals	Shots	%	1-Pt-All	1-Pt-Spin	Spin	In-flight	Specialist	Direct Goal	P6m	SUS	D	DR
2	BARTKOWIAK Sylwia	9	5	8	63	1/1		4/7							
3	JAKUBOWSKA Kinga Katarzyna	2	1	2	50			1/2							
4	SOWA Paulina	2	1	1	100			1/1							
5	NIEDZWIEDZ Iwona Malgorzata	10	5	6	83					5/5	0/1				
6	MAZUREK Paula Zuzanna	4	2	3	67							2/3			
8	MASLOWSKA Katarzyna Ilona	2	1	1	100			1/1							
9	SLEZAK Alicja	10	5	9	56			5/9					1		
12	KOCHANSKA LIZEWICZ Malgorzata														
16	FILONCZUK Natalia Elzbieta														
66	MATYSEK Martyna	2	1	1	100			1/1							
Totals		41	21	31	68	1/1		13/21		5/5	0/1	2/3	1		

No.	Goalkeeper	Total			Saves/Shots						
		Saves	Shots	%	1-Pt-All	1-Pt-Spin	Spin	In-flight	Specialist	Direct Goal	P6m
4	SOWA Paulina		1				0/1				
12	KOCHANSKA LIZEWICZ Malgorzata	1	16	6	0/2	0/1	1/10	0/1			0/3
16	FILONCZUK Natalia Elzbieta	4	15	27	1/2		2/6	1/4	0/2		0/1
Totals		5	33	15	1/4	0/1	3/18	1/5	0/2		0/4

Team Comparison	1st Period				2nd Period			
	Vietnam		Poland		Vietnam		Poland	
	Goals/Shots	%	Goals/Shots	%	Goals/Shots	%	Goals/Shots	%
In-flight Shots					4/5	80		
Spin Shots	6/9	67	4/6	67	5/6	83	7/12	58
Specialist Shots			4/4	100	1/2	50	1/1	100
1-Point Shots	2/2	100	1/1	100	0/1			
Direct Goal Shots								
6-meter Shots	3/3	100	2/2	100	1/1	100		
1-Point Spin Shots	1/1	100						

Legend:

% Efficiency 1-Pt 1-Point-Shots 1-Pt Spin 1-Point-Spinshots D Disqualifications DR Disqualifications with report No. Uniform Number
P6m 6m Penalty Shots Spin Spinshots SUS Suspension



Match Results

As of FRI 11 OCT 2019 at 20:15

Match: 16
Vietnam 2 vs 1 Poland
REFEREES:
1st Period: 20-21
2nd Period: 22-16
Shootout: 7-4

VIE - Vietnam

No	Name	Technical Skills					Turnovers
		Assists	Steals	Blocked Shots	Received 6m Fouls	Penalty Fouls	
1	NGUYEN THANH Huyen						
3	LU NGOC Trinh	1	1		2		1
4	DAM THI THANH Huyen				1		1
6	PHAM THI MY Hang		2				2
7	HA THI Hanh	2			1		
8	NGUYEN THI PHUNG Linh						
9	NGUYEN THI KIM Thu	2					
10	NGUYEN DANG THI Huong						
15	PHAN VAN Anh					1	
18	NGUYEN THI TRA My					1	
Team							4
Totals		5	3		4	2	4

POL - Poland

No	Name	Technical Skills					Turnovers
		Assists	Steals	Blocked Shots	Received 6m Fouls	Penalty Fouls	
2	BARTKOWIAK Sylwia	2	1			1	1
3	JAKUBOWSKA Kinga Katarzyna				1		2
4	SOWA Paulina						
5	NIEDZWIEDZ Iwona Malgorzata						1
6	MAZUREK Paula Zuzanna						
8	MASLOWSKA Katarzyna Ilona					1	
9	SLEZAK Alicja	1			1		2
12	KOCHANSKA LIZEWICZ Malgorzata						
16	FILONCZUK Natalia Elzbieta						
66	MATYSEK Martyna	2				2	
Team							6
Totals		5	1		2	4	6

Running Score
VIE-POL

1st Period	
DAM THI THANH H	2 : 0
PHAM THI MY H	4 : 2
PHAM THI MY H	5 : 2
LU NGOC T	7 : 4
PHAM THI MY H	7 : 6
PHAM THI MY H	9 : 6
PHAM THI MY H	9 : 8
PHAM THI MY H	9 : 10
DAM THI THANH H	11 : 10
NGUYEN DANG THI H	13 : 10
PHAM THI MY H	15 : 10
PHAM THI MY H	15 : 12
PHAM THI MY H	15 : 14
PHAM THI MY H	17 : 14
PHAM THI MY H	17 : 16
LU NGOC T	18 : 16
LU NGOC T	18 : 18
LU NGOC T	20 : 18
LU NGOC T	20 : 20
LU NGOC T	20 : 21
2nd Period	
HA THI H	0 : 2
HA THI H	2 : 2
HA THI H	2 : 4
DAM THI THANH H	4 : 4
DAM THI THANH H	6 : 4
LU NGOC T	8 : 4
LU NGOC T	8 : 6
DAM THI THANH H	10 : 6
LU NGOC T	12 : 6
LU NGOC T	12 : 8
DAM THI THANH H	14 : 8
DAM THI THANH H	14 : 10
NGUYEN THI KIM T	16 : 10
NGUYEN THI KIM T	16 : 12
DAM THI THANH H	18 : 12
DAM THI THANH H	20 : 12
LU NGOC T	20 : 14
DAM THI THANH H	20 : 16
DAM THI THANH H	22 : 16
Shootout	
HA THI H	2 : 0
HA THI H	2 : 2
HA THI H	2 : 4

Legend:

% Efficiency **1-Pt** 1-Point-Shots **1-Pt Spin** 1-Point-Spinshots **D** Disqualifications **DR** Disqualifications with report **No.** Uniform Number
P6m 6m Penalty Shots **Spin** Spinshots **SUS** Suspension